

Số: 15/2026/QĐST-DS

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 5 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 293/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2026.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng). Địa chỉ: B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Hữu Đ, chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh Q. Uỷ quyền lại: Ông: Nguyễn Văn H; Chức vụ: Trưởng P - A Chi nhánh Q. Theo giấy uỷ quyền số: 100/GUQ-NHNo.KT-QTr Ngày 01/4/2026.

- Bị đơn: Lê Nguyễn Hương T, sinh năm 1994, địa chỉ: đường K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991, địa chỉ: Xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay:

Anh Nguyễn Văn H1 và chị Lê Nguyễn Hương T liên đới phải trả cho Ngân hàng số tiền vay cả gốc và lãi suất, tính đến ngày 09/4/2026: số tiền gốc: 1.400.000.000 đồng, tiền lãi và phí: 89.151.034 đồng, tổng số tiền: **1.489.151.034 đồng** (Một tỷ, bốn tám tám mươi chín triệu, một trăm năm mươi một nghìn, không trăm ba mươi tư đồng), và

toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/4/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ, mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5110-LAV-20241016 ngày 20/11/2024 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 30/5/2025 ký kết giữa các bên.

Thời hạn trả nợ kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp đến hạn trả nợ, anh H1 chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất 268, tờ bản đồ 10, diện tích 111,2m², địa chỉ: Đường N, D, Kon Tum (nay phường Đ, Quảng Ngãi) đã được cấp GCN số DP932424 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh K cấp ngày 01/10/2024, đăng ký biến động ngày 15/11/2024 mang tên ông Nguyễn Văn H1 và bà Lê Nguyễn Hương T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5110-LCL-202400526 ngày 19/11/2024 giữa các bên.

2.2. Về phần án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H1 và chị Lê Nguyễn Hương T phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật: 28.337.266 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.646.897 đồng theo biên lai thu tiền số 0003199 ngày 25/12/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Lê Nguyễn Hương T liên đới phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 10.800.000 đồng. Anh H1 chị T liên đới hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ry Thị Mỹ Hoàng

